

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 1

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Võ Lan Khuê		Huỳnh Bảo Kim		FED		RESULT (W)		FED		RESULT (B)	
1		2		3		4		5		6	
d4	MF6	21	rfe3	f4	41	g4	24	g4	c5	42	g4
c4	e6	22	b46	gf03	42	g4	c5	43	g4	44	g4
NR3	b6	23	bc4	nc4	43	g4	g4	44	g4	45	g4
d3	bb7	24	qd6	xr1	44	g4	g4	45	g4	46	g4
0-0	0-0	25	he7	ne1	45	g4	g4	46	g4	47	g4
NC3	Ne4	26	nae8	xre7	46	g4	g4	47	g4	48	g4
qc2	Nxf3	27	xre7	gf2	47	g4	g4	48	g4	49	g4
d5	bf4	28	ne4	gf2	48	g4	g4	49	g4	50	g4
bd6	bd6	29	f5	Hd3	49	g4	g4	50	g4	51	g4
qd6	qc2	30	g6	re1	50	g4	g4	51	g4	52	g4
nd7	nc1	31	rd7	rd1	51	g4	g4	52	g4	53	g4
c5	cd5	32	nd7	br3	52	g4	g4	53	g4	54	g4
bd5	ed4	33	kh8	ne1	53	g4	g4	54	g4	55	g4
bb7	rd1	34	rd7	fte4	54	g4	g4	55	g4	56	g4
qez	d5	35	fe4	te4	55	g4	g4	56	g4	57	g4
ed5	ed5	36	Hd5	te8	56	g4	g4	57	g4	58	g4
qd6	nd2	37	vg7	te7	57	g4	g4	58	g4	59	g4
Nf6	nc4	38	Vh6	td7	58	g4	g4	59	g4	60	g4
qdz	qd3	39	Hh2	Hd2	59	g4	g4	60	g4		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Chue		Kim		Zhu							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 1

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Võ Lan Khuê		Huỳnh Bảo Kim		FED		RESULT (W)		FED		RESULT (B)	
1		2		3		4		5		6	
d4	MF6	21	Mc41:08	xFe81:08	41	VF2	H F5	42	g4	Hg4	
c4	e6	22	F4 1:05	Ta6 1:04	42	g4	Hg4	43	F5	g5	
MF3	g6	23	HF31:00	TF41:00	43	F5	g5	44	Hd6	vh5	
g3	Tg7	24	xF41:00	Hd6 1:03	44	Hd6	vh5	45	xh7		
Tg2	Te7	25	xFF11:03	xd7 1:02	45	xh7		46			
0-0 1:30	0-0 1:27	26	xe1 1:03	xa8 1:09	46			47			
Mc3 1:30	Me4 1:27	27	xe1 1:01	xe7 59	47			48			
Hc2 1:30	Mc3 1:27	28	HF2 1:00	M1e4 57	48			49			
Hc3 1:30	d5 1:26	29	Hc2 58	F5 53	49			50			
TF4 1:30	Td6 1:25	30	Hd3 57	g6 51	50			51			
Te6 1:28	Hd6 1:25	31	xe1 56	x d7 48	51			52			
Hc2 1:27	Md7 1:24	32	xd1 52	xe1 47	52			53			
xac1 1:25	c5 1:20	33	TF3 51	Vh8 40	53			54			
cd5 1:23	Td5 1:16	34	xe1 49	xd7 40	54			55			
ea 1:20	Hd6 1:15	35	Te4 48	F e4 40	55			56			
xF4 1:17	He7 1:12	36	xe4 49	H d5 40	56			57			
ea 1:15	ed5 1:11	37	xe8 49	Vg7 39	57			58			
deed5 1:10	Hd6 1:11	38	xe7 49	Vh6 39	58			59			
Md2 1:10	MF6 1:08	39	x d7 50	Hd3 38	59			60			
Mc4 1:10	H d7 1:07	40	Hd2 48	Hb1 38	60						
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
Chue		Kim		Zhu							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:36
Group G8
Round 3
Date 18/07/26
Board 02

WHITE				BLACK				
INDIA				CHINA				
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 (1:21) c6	21	Ng5 C37) Nf4	41	Ke4 Re3			
2	Nc3 (1:20) d5	22	Qe3 C38) Nd3	42	f3 a5			
3	Nf3 (1:21) dxc4	23	Rc2 C36) Qf4	43	a7 Re1			
4	Nxe4 (1:20) Nf6	24	Qxg4 C4) Nf4	44	Rh2 h5			
5	Qe2 (1:20) Nxe4	25	Nf3 C36) Nd3	45	h4 g4			
6	Qxe4 (1:20) Rf4	26	Rd1 C32) f6	46	fxg4 h4			
7	Bd4 C1:20) Nf6	27	Rc2 C32) Kf7	47	Kf4 Kf6			
8	Qe2 C1:20) e6	28	g3 C31) Re2	48	Kg4 Kf6			
9	O-O (1:19) Bc4	29	Nb1 C31) Nxe4	49	Kf6 Rf5			
10	d3 (1:19) O-O	30	Rxe1 C31) e5	50	Kg4 Kf6			
11	h3 C1:17) b5	31	Rd2 C31) Kf7	51	Kg4 Kf6			
12	Qb2 C1:11) Bb7	32	Fc5	52	Kf6 Kf6			
13	d4 C1:08) Qc7	33	Rxe5 Rf2	53	Kf6 Kf6			
14	Nh2 C1:06) Rf4	34	Rd2 Rf2	54	Rd2 Rf2			
15	Qe3 C1:05) a6	35	Kg2 Kf6	55	Rd2 Rf2			
16	C3 C0:06) c5	36	Kf1 Rd6	56	Rx65 Rf6			
17	Nf2 C30) Bb5	37	Rd2 Rf6	57	Kd5 Rf6			
18	Qx5 C56) Nf6	38	Re2 Re1	58	Rxa4 Rxb2			
19	Rac1 C4) c9	39	Kg2 a5	59	Rxc4 Rf6			
20	Qx5 C41) Bx5	40	Kf3 g5	60	a9 Rf3			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
[Signature]				[Signature]				
SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)				
[Signature]				[Signature]				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:36
Group G8
Round 3
Date 18/07/26
Board 02

WHITE				FED		FED		RESULT (W)	
Divisha nareen n.				168		167		1	
BLACK				FED		FED		RESULT (B)	
[Signature]				167		167		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c6	21	Ng5	Nf4	41	Kd5	Rd3	
2	Nc3	d5	22	Re3	Nd3	42	f3	a5	
3	Nf3	d4	23	Rd2	Bf4	43	a3	Rd1	
4	Nd4	Nf6	24	Bf4	Nf4	44	Rd2	h5	
5	Re2	Nd4	25	Nf3	Nd3	45	h4	g4	
6	Re4	Nd7	26	Rd1	f6	46	f3	h4	
7	Bd4	Nf6	27	Rd2	Kf7	47	Kf4	Kg4	
8	Re2	d6	28	g3	Kf7	48	Kg4	Re5	
9	O-O	Rf7	29	Nd1	Nd1	49	Ff4	Rf7	
10	d3	O-O	30	Re1	e5	50	Kf4	Rd6	
11	h3	d5	31	Rd2	Kf7	51	h5	Kf6	
12	Bb3	Bb7	32	d5	Re	52	Kf4	Rd5	
13	d4	Bb7	33	Re5	Rd2	53	g4	Rd5	
14	Nh2	Rd6	34	R5e2	Rd6	54	Rd5	Rd5	
15	Re3	d6	35	h4	Kf6	55	Rf4	Rd5	
16	c3	c4	36	Kf1	Rd6	56	Rd5	Rd6	
17	Nf3	Rd5	37	Rd2	Rd2	57	Rd5	Rd6	
18	Bb5	Nd5	38	Re2	Rd1	58	Rd4	Rd5	
19	Ra1	c4	39	Kg2	O5	59	Kf4	Rd2	
20	Bd3	Rd3	40	Kf3	g5	60	ex4	Rd5	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]			[Signature]			[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.09.26 Board 3

WHITE Li Fiond chetxi				BLACK Gashanova Aigt				FED NZL		RESULT (W) 0	
								FED RUS		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ac2	b4	41	Ac1	Ac1			
2	Kf3	Kf3	22	eb1	Nd4	42	KPb3	Nd4			
3	Cf4	C5	23	Cb6	Nb4	43	KPC4	Nd2			
4	C3	Kc6	24	Kc3	Nb6	44	g4	Nh2			
5	E3	Qb6	25	Ab1	Cb4	45	Kd4	Nb4			
6	Qb3	C4	26	Nb2	Cc3	46	KPe4	Ng4			
7	Qb6	Qb	27	Nb6	Cd4	47	KPR3	h5			
8	Kb42	b5	28	KPR1	Cb6	48	KPR3	h4			
9	Ce2	E6	29	Nb6	C3	49	KAC3	f3			
10	O-O	Ce7	30	Cd3	g6	50	KPg4	h2			
11	b3	O-O	31	Nb2	Ce8	51	KPy3	L1-f			
12	Ke5	Ke5	32	Ac4	f48	52	KPg4	Qg4			
13	Cb5	b6	33	Cb1	Nb3	53	KPR3	KP d7			
14	bC	b6	34	Cd3	d4	54	KPe4	Qd5+			
15	Cg5	Cf6	35	Ac4	Cb5	55	KPd4	KPB6			
16	E4	b5	36	Nd4	Cd3	56	KPC4	Qd5+			
17	E5	Ce5	37	Nd3	Nb1	57	Kb4	Qc5+			
18	Rfb1	Cd4	38	KPe2	C2	58	Kb3	KPd5			
19	f4	Nd3	39	Nb8	KPe4	59	Kb2	KPd4			
20	NbC1	Nd3	40	Nc3	C1-P	60	f5	Qc3+			
SIGNATURE (WHITE) Fion				SIGNATURE (BLACK) Gashanova				SIGNATURE (ARBITER) Lin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.1.26 Board 3

WHITE Fiond chetxi				BLACK Gashanova Aigt				FED 1500		RESULT (W) 0	
								FED 1600		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ac2	b4	41	Rd4	Rd4			
2	Nf3	Nf6	22	Nb1	Kd4	42	Kb3	Rd1			
3	E4	C5	23	Cd4	Rd4	43	Kc4	Rd2			
4	C3	Nb6	24	Nc3	Rd4	44	g4	Rd2			
5	E3	Qb6	25	Rb1	Bb6	45	Kd4	Rd4			
6	Cb3	C4	26	Rb2	Bb6	46	Kd4	Rd4			
7	Qb6	Qb	27	Rb4	Bd4	47	Kf3	h5			
8	Nb42	b5	28	Ke1	Bb6	48	Kd3	h4			
9	Ke2	E6	29	Rd6	C3	49	Kf3	L3			
10	O-O	Ce7	30	Rd3	g6	50	Kg4	h2			
11	b3	O-O	31	Rd7	g6	51	Kg3	h2			
12	Ke5	Ke5	32	Rd7	f48	52	Kg4	Qd7			
13	Cb5	b6	33	Rd4	Rd8	53	Kf3	Kd7			
14	bC	b6	34	Rd4	d4	54	Kd4	Qd2+			
15	Cg5	Cf6	35	Rd4	Bb6	55	Kd4	Kb			
16	E4	b5	36	Rd4	Bb6	56	Kd4	Qd5+			
17	E5	Ce5	37	Rd3	Rd4	57	Kd4	Qc5+			
18	Rfb1	Cd4	38	Ke2	C2	58	Kb3	Kd5			
19	f4	Nd3	39	Nb8	KPe4	59	Kb2	Kd4			
20	NbC1	Nd3	40	Nc3	C1-P	60	f5	Qc3+			
SIGNATURE (WHITE) Fion				SIGNATURE (BLACK) Gashanova				SIGNATURE (ARBITER) Lin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G-8
Round	3
Date	
Board	4

WHITE Shrayanshi				FED India				RESULT (W)			
BLACK Srinastha				FED India				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4-e30	C5	21	Rxf6-f30	Qd4	41	Kg3	Kf7			
2	b3-b30	Nc6	22	Rf2-f30	Qa1	42	Kf4	Kf6			
3	Bb2-b31	d6	23	Rf1-f31	Qd4	43	Ra4	g5			
4	f4-f31	Nf6	24	Kf1-f31	Rd8	44	kg4	Kg6			
5	Nc3-f31	e6	25	h3-f31	h6	45	Ra3	h5			
6	Nf3-f31	Be7	26	Qg3-f31	Qe5	46	Kf3	Rc4			
7	Bb5-f31	Bd7	27	Rf1-f31	Qe1	47	Ra6	Bxf5			
8	O-O-f31	O-O	28	QKf2-f31	Qe5	48	g4	h3g4			
9	Qe1-f31	a5	29	Qg3-f31	Qg3	49	h3g4	Re5			
10	Bxc6-f31	Qc6	30	Kxg3-f31	Rd3	50	Ra5	Kf6			
11	es-f31	d3e5	31	Kh2-f31	Rd2	51	Ra6	Kes			
12	Nke5-f31	Rc8	32	Rc7	Ra3	52	Ra5	Kf6			
13	d3-f31	Nd5	33	Rc6	Ra3	53	Ra6	kes			
14	Nxd5-f31	Bxd5	34	Rxe6	Rxb3	54					
15	Qg3-f31	Bf6	35	Rc6	as	55					
16	f5-f31	Kf8	36	Rxc5	a4	56					
17	c4-f31	Bc6	37	Ra5	a3	57					
18	Rxe6-f31	Rxe6	38	C5	Rc3	58					
19	Nxc6-f31	bxc6	39	C6	Rxc6	59					
20	Rxf6	Rxf6	40	Ra3	kg3	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								S/R			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G-8
Round	3
Date	
Board	4

WHITE Shrayanshi Jain				FED India				RESULT (W)			
BLACK Srinastha Singh				FED India				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	C5	21	Rxf6	Qd4	41	Kg3	Kf7			
2	b3	Nc6	22	Rf2	Qa1	42	Kf4	Kf6			
3	Bb2	d6	23	Rf1	Qd4	43	Ra4	g5			
4	f4	Nf6	24	Kf1	Rd8	44	kg4	Kg6			
5	Nc3	e6	25	h3	h6	45	Ra3	h5			
6	Nf3	Be7	26	Qg3	Qe5	46	Kf3	Rc4			
7	Bb5	Bd7	27	Rf1	Qe1	47	Ra6	Bxf5			
8	O-O	O-O	28	QKf2	Qe5	48	g4	h3g4			
9	Qe1	a5	29	Qg3	Qg3	49	h3g4	Re5			
10	Bxc6	Qc6	30	Kxg3	Rd3	50	Ra5	Kf6			
11	e5	d3e5	31	Kh2	Rd2	51	Ra6	Kes			
12	Nxe5	Rc8	32	Rc7	Ra3	52	Ra5	Kf6			
13	d3	Nd5	33	Rc6	Ra3	53	Ra6	kes			
14	Nxd5	Bxd5	34	Rxe6	Rxb3	54					
15	Qg3	Bf6	35	Rc6	a5	55					
16	f5	Kh8	36	Rc5	a4	56					
17	c4	Bc6	37	Ra5	a3	57					
18	Rxe6	Rxe6	38	C5	Rc3	58					
19	Nxc6	bxc6	39	a6	Rc6	59					
20	Rxf6	Rxf6	40	Ra3	Kg3	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								S/R			

18-28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **3**
Date **2026.7.18** Board **5**

WHITE Zhu Xianshuo				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Lan Jia				FED CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	b3	Qc5	41	a5	Qd5			
2	Nf3	Nf6	22	B3	Qb6	42	d6	Qe6			
3	g3	d5	23	Q4	Qb8	43	Qa5	Rb6			
4	Bg2	c5	24	Qa1	Qb6	44	Kg2	Kh7			
5	0-0	Nc6	25	b4	Nc4	45	Qg1	Kh8			
6	Qd4	ed5	26	Rd1	Qe7	46	Rd1	Rf8			
7	d4	Qc4	27	e4	Qd7	47	Qc5	Bd7			
8	Bd4	Bd6	28	Re2	Nb6	48	Rd5	Rd5			
9	Nc5	0-0	29	Bd4	Nc5	49	Qf8	Kh7			
10	Nc3	Bc6	30	Bc5	Bd5	50	Qf3	Qe6			
11	Nb5	Bc5	31	Qd4	Rd7	51	Qf3	Qd6			
12	Bc5	Nb4	32	Re5	Rd6	52	Qd4	Rd5			
13	Nb6	Nb5	33	Q4	Nb6	53	Rd5	g6			
14	Qd7	Nc5	34	Rb3	Re7	54	Rd5	g6			
15	Qe7	Nc6	35	Rd3	Re7	55	Qb7	Kg6			
16	Feb	Bc5	36	Qc5	Qf9	56	Qd7	f4			
17	Nb5	Qd4	37	Qc3	Qd6	57	Qb7	Qd7			
18	Nc6	Qd2	38	Rd4	Kh8	58	Ng3	N5			
19	Rd4	Rd1	39	Qh3	Qf5	59	Q7	N4			
20		Nc5	40	Qd2	Qe6	60	Qd2	Nd3			
SIGNATURE (WHITE) 朱先舒				SIGNATURE (BLACK) 兰嘉				SIGNATURE (ARBITER) SR			

N47

18-28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **3**
Date **18.7.26** Board **5**

WHITE Zhu Xianshuo				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Lan Jia				FED CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	a4	e6	21	b5	Qc5	41	a5	Qd5			
2	Nf3	Nf6	22	Q3	Qb6	42	a6	Qc6			
3	g3	d5	23	Qd4	Qb8	43	Qd5	Rd6			
4	Bg2	c5	24	Qd4	Qb6	44	Kg2	Kh7			
5	Nc3	0-0	25	b1	Nc4	45	Kg1	Kh8			
6	cd	ed	26	Rd1	Qe7	46	Rd1	Rf8			
7	d4	c4	27	Q4	Qd7	47	Qc5	Bd7			
8	Bd4	Bd6	28	Rd2	Nb6	48	Rd5	Rd5			
9	Nc5	0-0	29	Bd4	Nc5	49	Qf8	Kh7			
10	Nc3	Bc6	30	Bc5	Bd5	50	Qf3	Qe6			
11	Nb5	Bc5	31	Qd4	Rd7	51	Qf3	Qd6			
12	Bc5	Nb4	32	Re5	Rd6	52	Qd4	Rd5			
13	Nb6	Nb5	33	Q4	Nb6	53	Rd5	g6			
14	Qd7	Nc5	34	Rb3	Re7	54	Rd5	g6			
15	Qe7	Nc6	35	Rd3	Re7	55	Qb7	Kg6			
16	Feb	Bc5	36	Qc5	Qf9	56	Qd7	f4			
17	Nb5	Qd4	37	Qc3	Qd6	57	Qb7	Qd7			
18	Nc6	Qd2	38	Rd4	Kh8	58	Ng3	N5			
19	Rd4	Rd1	39	Qh3	Qf5	59	Q7	N4			
20		Nc5	40	Qd2	Qe6	60	Qd2	Nd3			
SIGNATURE (WHITE) Zhu Xianshuo				SIGNATURE (BLACK) Lan Jia				SIGNATURE (ARBITER) SR			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 3
Date 7.18 Board 6

WHITE				BLACK				FED				RESULT			
Nguyen Duu Huynh MY				A Z M Koulareva MOH NVY				VIE				0			
A Z M Koulareva MOH NVY				VIE				0				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Mf6	21	Xcd1	Xd5	41	Xd6	Te4							
2	Mf3	d5	22	Xd5	Xd8	42	Vf2	Mh5							
3	g3	q5	23	Md4	Xc8	43	e6	e6							
4	c4	e6	24	Th3	Md4	44	Te6+	Vg2							
5	Tg2	Te7	25	Hc7	Mc7	45	Xb6	Mf4							
6	o-o	o-o	26	Vf1	Xc7	46	Tu2	Md7+							
7	dc5	Ta5	27	Xd1	Mh2+	47	Vg1	Mh2							
8	ed5	Md5	28	Vg1	Mf7	48	Xb6	Td3							
9	Hc7	Te7	29	Vf9	h6	49	Xd6	Tc4							
10	Xf4	Hb6	30	Tb6	Xc6	50	Tc4	bc4							
11	a3	Mc6	31	Te3	Tg5	51	Xd4	c3							
12	e4	Mc6	32	Tg5	Mc5	52	Xd7	Vh6							
13	Te3	Hc7	33	Tg4	n5	53	Xc7	md1							
14	Mc3	cb6	34	Tf5	g6	54	a4	Xu4							
15	Ma4	Mb6	35	Tb1	Xb6	55	Vg2	h3+							
16	Xm6	Kb8	36	Tg	Mc4	56	Vh3	Xe2							
17	Xac1	Tb7	37	Xd7	Tg	57	d5	Xa2							
18	e5	Mc5	38	Xd4	Mc3	58	Xc5	c2							
19	Md3	ed5	39	Vc4	h4	59	a6	Mc3							
20	Xd5	Xf8	40	Te7	Xe9	60	Vb3	Xa4							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
MY				A Z M											

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 3
Date 7.18 Board 6

WHITE				BLACK				FED				RESULT			
Nguyen Duu Huynh MY				A Z M Koulareva MOH NVY				VIE				0			
A Z M Koulareva MOH NVY				VIE				0				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Xf5	21	Lcd1	ld5	41	ld6	cd4							
2	Kf3	d5	22	Ld5	ld8	42	Kp2	Kh5							
3	e5	g3	23	Kd4	ld8	43	ld5	fe							
4	e6	g3	24	Ck3	Kd4	44	ld6	Kp7							
5	e6	g3	25	g4	Kf3	45	ld6	Kf4							
6	o-o	o-o	26	Kp1	Lc7	46	cd2	Kd3							
7	dc	cc5	27	ld1	Kf2	47	Kp1	Kb2							
8	cd	Kd5	28	Kp1	Kf3	48	ld6	cd3							
9	Te7	ce7	29	Kf1	h6	49	ld6	cc4							
10	ld1	pb6	30	cb6	ucb	50	cc4	bc							
11	a3	Kc6	31	ce3	ep5	51	ld4	c3							
12	e4	Kf5	32	Kg5	ep6	52	ld7	Kp8							
13	ce3	pc7	33	g5	cf5	53	ld7	Kd1							
14	Kc3	q5	34	g6	cb1	54	Kd1	ld1							
15	Kd4	b5	35	g6	f4	55	Kp2	h5							
16	Kb6	ub8	36	Kh4	ld7	56	Kp3	ld2							
17	ldc1	cb7	37	cc6	ld4	57	q5	ld2							
18	e5	Kd5	38	Kg3	Kp1	58	ld5	c2							
19	Kd5	ed	39	Kh4	cg2	59	q6	ke3							
20	ld1	Nf4	40	ld8	ld6	60	Kp3	ld1							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
MY				A Z M											

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/18 Board: 7

WHITE Oh yEl'yan				FED 1421		RESULT (W) 0		
BLACK N'ikKi				FED 1517		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Na4	c5	41	Ra7	Rd7
2	Nf3	Nc6	22	Qd3	c4	42	Rd7	kd7
3	d4	cx d4	23	Rc3	Bd5	43	c5	ke6
4	Nc4	g6	24	Bd4	Bxc4	44	h3	Rd8
5	Nc3	Bg7 1:28:38	25	b3 ?	Qa7	45	b4	Ra8
6	Bd3 1:31:47	Nf6	26	Qf2	Qxf2	46	Nc3	Ra3
7	Bc4	Qa5	27	Kxf2	Bb5	47	b5	Kb7
8	Nxb6	bxc6	28	Nb6	Rb8	48	Ed4	Ra1
9	Bd2	Qc5	29	a4	Bf8	49	Nd2	Rb1
10	Bb3 1:27:40	1:25:02	30	axb4	Bb4	50	kd4	Rb2
11	Bd3	Qc5	31	Rc7	Bxc2	51	Rf2	Rxf4
12	f4	Qc7	32	Kxe1	Rd8	52	-	-
13	e5	Nb8	33	Ra7	Ke7	53	-	Rc4
14	O-O	Ba6	34	Ra5	Rb8	54	c6	Kb8
15	Re1 1:40:50	Nb6 1:16:51	35	Na4	Rb7	55	b7	h4
16	Qd3	Nf5	36	b6	Rc8	56	b6	Rxc6
17	g4	Nxe3	37	c4	db	57	kb5	Rc3
18	Rxc3	Bb7	38	Kd2	dxc5	58		
19	Ra1	h5	39	fxc5	Rd8	59		
20	g5	eb 1:18	40	Ke3	Rb8	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
						Lin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/18 Board: 7

Oh, Yel'yan				FED 1421	RESULT (W) 0			
BLACK Azimzodch, NIKKI				FED 1517	RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Na4	c5	41	Rd7	Rd7
2	Nf3	Nc6	22	Qd3	c4	42	Rxd7	Kxd7
3	d4	Cxd4	23	Rc3	Bd5	43	c5	Kc6
4	Nxd4	g6	24	Bxc4	Bxc4	44	h3	Rd8
5	NC3	Bg7	25	b3	Qb7	45	b4	Rd8
6	BP3	Nf6	26	Qf2	Qxf2	46	NC3	Ra3
7	Bc4	Qa5	27	Kxf2	Bb5	47	b5	Kb7
8	Nxb6	bxc6	28	Nb6	Rb8	48	Kd4	Ra1
9	Bd2	Qc5	29	a4	Bf8	49	Ne2	Rb1
10	Bb3	A5	30	Cxb4	Bb4	50	Kc4	Rb2
11	Bb3	Qc5	31	Rc1	Bxc1+	51	Nf4	Bf2
12	f4	Qc7	32	Kxe1	Rd8	52	Kd4	Rxf4
13	Q5	Nb8	33	Rd7	Ke7	53	Ka5	Rc4
14	O-O	Ba6	34	Rxa5	Rb8	54	C6+ (b.ing)	Kb8
15	Re1	Nh6	35	Nf4	Rb7	55	b7	A4
16	Qc3	Nf5	36	b6	Rc8	56	b6	Rxc6
17	A4	Nxe3	37	C4	d6	57	Kb5	Ac3
18	Rxc3	Bd7	38	Kd2	dxc5	58		
19	Ra1	h5	39	Qxe5	Kd8+	59		
20	g5	e6	40	Ke3	Rbb8	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
[Signature]			[Signature]			Lin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18

Group 68
Round 3
Board 8

WHITE Tao Hongyu				BLACK Zheng Jintian				RESULT (W) 1/2			
FED				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	a4	c5	21	Bc5	Bc5	41					
2	Nf3	g6	22	Ra1	Bb3	42					
3	d4	cd	23	Rd1	Bu2	43					
4	Nd4	Nc6	24	Du1	Bb3	44					
5	c4	Nf6	25	Rd1	Bu2	45					
6	Nc3	Nd4	26	Rd1	Bb3	46					
7	g4	d6	27	Rd1	Bu2	47					
8	Bc2	Bg7	28	Rd1	Bu2	48					
9	Bg2	0-0	29			49					
10	g4	a5	30			50					
11	0-0	a4	31			51					
12	Ra1	0-0	32			52					
13	Rd1	Bb3	33			53					
14	Nd5	g4	34			54					
15	Nb7	Nf6	35			55					
16	Bd2	Pf6	36			56					
17	Nd5	Nf5	37			57					
18	cd	Bf5	38			58					
19	Bb3	Bf5	39			59					
20	Bb3	Ba2	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Tao Hongyu				SIGNATURE (BLACK) Zheng Jintian				SIGNATURE (ARBITER) Limy			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18

Group 68
Round 3
Board 8

WHITE Tao Hongyu				BLACK Zheng Jintian				RESULT (W) 1/2			
FED CHN				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	a4	c5	21	Bc5	Bc5	41					
2	Nf3	g6	22	Rd1	Bb3	42					
3	d4	cd	23	Rd1	Bu2	43					
4	Nd4	Nc6	24	Rd1	Bb3	44					
5	c4	Nf6	25	Rd1	Bu2	45					
6	Nc3	Nd4	26	Rd1	Bb3	46					
7	g4	d6	27	Rd1	Bu2	47					
8	Bc2	Bg7	28	Rd1	Bu2	48					
9	Bg2	0-0	29			49					
10	g4	a5	30			50					
11	0-0	a4	31			51					
12	Ra1	0-0	32			52					
13	Rd1	Bb3	33			53					
14	Nd5	g4	34			54					
15	Nb7	Nf6	35			55					
16	Bd2	Pf6	36			56					
17	Nd5	Nf5	37			57					
18	cd	Bf5	38			58					
19	Bb3	Bf5	39			59					
20	Bb3	Ba2	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Tao Hongyu				SIGNATURE (BLACK) Zheng Jintian				SIGNATURE (ARBITER) Limy			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
88
Round
3
Board
9

WHITE				BLACK				FED				RESULT (P)			
PRA YGER				Liu								✓			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Lo3	φ66	41									
2	c3	d6	22	φ66	φ6	42									
3	d4	c6	23	φ65	φ65	43									
4	c6	φ65	24	φ66	φ66	44									
5	φ66	φ6	25	φ68	φ66	45									
6	φ66	c97	26	φ68	φ66	46									
7	c94	φ6-0	27	φ6		47									
8	c98	φ67	28			48									
9	c93	d6	29			49									
10	0-0	φ68	30			50									
11	φ61	φ64	31			51									
12	h3	b5	32			52									
13	φ65	φ65	33			53									
14	c05	φ67	34			54									
15	d3	c97	35			55									
16	c97	φ67	36			56									
17	φ66	d5	37			57									
18	φ66	φ6	38			58									
19	φ64	φ6	39			59									
20	φ6	d4	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
LIZZI				LIZZI 刘妙延				SR							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
88
Round
3
Board
9

WHITE				BLACK				FED				RESULT (P)			
PRA YGER, Eliza Veta				Liu, Miao Yan								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Rd3	ae6	41									
2	c3	d6	22	Qxe6	fe	42									
3	d4	cd	23	Ng5	Bf6	43									
4	cd	Nf6	24	Nxe6	Rdd7	44									
5	Nc3	g6	25	Rc8+	Kf7	45									
6	Nf3	Bg7	26	Rf8+	Kxe6	46									
7	Bc4	0-0	27	d5#		47									
8	Bf4	Qc7	28			48									
9	Bb3	a6	29			49									
10	0-0	Rd8	30			50									
11	Rc4	Qd7	31			51									
12	h3	b5	32			52									
13	Nd5	Nxd5	33			53									
14	Bxd5	Ra7	34			54									
15	a3	Bb7	35			55									
16	Bxb7	Rxb7	36			56									
17	Qc2	a5	37			57									
18	Rfd1	b4	38			58									
19	Qc4	ba	39			59									
20	ba	a4	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
LIZZI				LIZZI 刘妙延				SR							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **68**
Round **3**
Date **7/18/2026**
Board **10**

WHITE				BLACK				RESULT (W)	RESULT (B)
Gulomova Farzona				Wong, Chellap Alcelle				1	0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	d6	21	c8	h8	41	d8	c8	
2	d4	h6	22	c8	c5	42	d8	h8	
3	h8	h8	23	h8	h8	43	h8	h8	
4	h8	h8	24	h8	h8	44	h8	h8	
5	h8	h8	25	h8	h8	45	h8	h8	
6	h8	h8	26	h8	h8	46	h8	h8	
7	h8	h8	27	h8	h8	47	h8	h8	
8	h8	h8	28	h8	h8	48	h8	h8	
9	h8	h8	29	h8	h8	49	h8	h8	
10	h8	h8	30	h8	h8	50	h8	h8	
11	h8	h8	31	h8	h8	51	h8	h8	
12	h8	h8	32	h8	h8	52	h8	h8	
13	h8	h8	33	h8	h8	53	h8	h8	
14	h8	h8	34	h8	h8	54	h8	h8	
15	h8	h8	35	h8	h8	55	h8	h8	
16	h8	h8	36	h8	h8	56	h8	h8	
17	h8	h8	37	h8	h8	57	h8	h8	
18	h8	h8	38	h8	h8	58	h8	h8	
19	h8	h8	39	h8	h8	59	h8	h8	
20	h8	h8	40	h8	h8	60	h8	h8	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **68**
Round **3**
Date **7/18/2026**
Board **10**

WHITE				BLACK				RESULT (W)	RESULT (B)
Gulomova Farzona				Wong, Chellap Alcelle				1	0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	d6	21	b8	h8	41	h8	h8	
2	d4	h6	22	b8	c5	42	h8	h8	
3	h8	h8	23	h8	h8	43	h8	h8	
4	h8	h8	24	h8	h8	44	h8	h8	
5	h8	h8	25	h8	h8	45	h8	h8	
6	h8	h8	26	h8	h8	46	h8	h8	
7	h8	h8	27	h8	h8	47	h8	h8	
8	h8	h8	28	h8	h8	48	h8	h8	
9	h8	h8	29	h8	h8	49	h8	h8	
10	h8	h8	30	h8	h8	50	h8	h8	
11	h8	h8	31	h8	h8	51	h8	h8	
12	h8	h8	32	h8	h8	52	h8	h8	
13	h8	h8	33	h8	h8	53	h8	h8	
14	h8	h8	34	h8	h8	54	h8	h8	
15	h8	h8	35	h8	h8	55	h8	h8	
16	h8	h8	36	h8	h8	56	h8	h8	
17	h8	h8	37	h8	h8	57	h8	h8	
18	h8	h8	38	h8	h8	58	h8	h8	
19	h8	h8	39	h8	h8	59	h8	h8	
20	h8	h8	40	h8	h8	60	h8	h8	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 16/11/2026

Group: G8
Round: 3
Board: 11

WHITE: Teerata				FED:				RESULT (W): 0			
BLACK: Uyên				FED:				RESULT (B): 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c6	21	Qc2	Qg5	41	B3	F5			
2	c4	d5	22	Rd4	Rd1	42	g4	F4			
3	Cxd5	Cxd5	23	Rd4	h6	43	Ne4	ab			
4	Nc3	Nf6	24	Qe4	Rc1	44	Kc1	Kc3			
5	Nf3	e6	25	Qd3	Rd1	45	as	b3			
6	Bf4	Bd6	26	Qd1	Qd5	46	Kd1	b2			
7	Bd6	Qd6	27	Qd1	Qd3	47	Kd1	b1=Q			
8	Nc6	NC6	28	h3	B	48	Kf2	ac2			
9	e3	Bd7	29	Kf1	Qd4	49	Kf1	d2			
10	Bd3	O-O	30	Kg1	y4	50	Kg1	d1=R			
11	O-O	Nb4	31	Qc1	Qd5	51					
12	Qd2	Nd3	32	Q3	Kh7	52					
13	Qd3	Rac8	33	ac2	Qd3	53					
14	Ne5	Be8	34	Qd3	ed	54					
15	e4	de	35	Kf1	Kg6	55					
16	Ne4	Ne4	36	Kx1	Kf5	56					
17	Qe4	Bc6	37	Kd2	Ke4	57					
18	Ne6	Rc6	38	b3	Kd4	58					
19	Rfe1	Rd8	39	F3	g5	59					
20	Qd5	Qd5	40	Q4	Q	60					
SIGNATURE (WHITE): Teerata				SIGNATURE (BLACK): Uyên				SIGNATURE (ARBITER): Lin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/11/2026

Group: G8
Round: 3
Board: 11

WHITE: Teerata Kasemsup				FED:				RESULT (W): 0			
BLACK: Nguyen Duong Nha Uyen				FED: 1509				RESULT (B): 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c6	21	Qe2	Qg5	41	g3	f5			
2	c4	d5	22	Rd4	Rxd4	42	g4	f4			
3	Cxd5	Cxd5	23	Rxd4	h6	43	b4	axb4			
4	Nc3	Nf6	24	Qe4	Kc1	44	Kc1	Kc3			
5	Nf3	e6	25	Qd3	Rxd1	45	Qf5	b3			
6	Bf4	Bd6	26	Qxd1	Qa5	46	Kd1	b2			
7	Bxd6	Qxd6	27	Qd1	Qd2	47	Kd1	b1=Q			
8	Qc2	Nc6	28	h3	e5	48	Kf2	Qc2			
9	e3	Bd7	29	Kf1	Qd4	49	Kf1	d2			
10	Bd3	O-O	30	Kg1	e4	50	Kg1	d1=Q			
11	Q-e	Nb4	31	Qc1	Qd6	51					
12	Qd2	Nd3	32	Q3	Kh7	52					
13	Qxd3	Rac8	33	Qc2	Qd3	53					
14	Ne5	Be8	34	Qxd3	exd3	54					
15	e4	dx4	35	Kf1	Kg6	55					
16	Nxe4	Nxe4	36	Kx1	Kf5	56					
17	Qxe4	Bc6	37	Kd2	Ke4	57					
18	Nxc6	Rxc6	38	b3	Kd4	58					
19	Rfe1	Rd8	39	F3	g5	59					
20	Qd5	Qd5	40	Q4	Q	60					
SIGNATURE (WHITE): Teerata				SIGNATURE (BLACK): Uyên				SIGNATURE (ARBITER): Lin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/8

Group G08
Round 3
Board 12

WHITE Nguyen Xuan Thao Han				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Lin Bui (GD)				Std 1998				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bb2	Rc1	41	Ka3	Nc4			
2	d4	d5	22	Bb2	b5	42	Kb4	Nb6			
3	Nb3	Nf6	23	Rb1	Bb2	43	Nb6	Qc5			
4	e5	Nf5	24	Kb2	Nc4	44	Ka3	Rb6			
5	Bb5	c5	25	Rc3	Nc3	45	Kb5	Rc5			
6	d6	Nd6	26	Rc3	Rc8	46	Kb5	Kd7			
7	Bb4	Ng6	27	Rb2	Rc2	47	Rb2	Rc2			
8	Bb3	d7	28	Rb1	Rc7	48	Rb1	Rc7			
9	Bb3	c6	29	Rb1	Nc4	49	Rb1	Nc4			
10	Bb4	Nd6	30	Rc4	Nf6	50	Kb5	Nb6			
11	d5	b5	31	Bb4	Bb4	51	Ka5	Kb6			
12	Nc4	b6	32	Rb2	Nc2	52	Kb4	Kb6			
13	A4	A4	33	Kb2	Nc3	53	cf	gf			
14	A4	A4	34	Rd	A4	54	Kb4	1c4			
15	A4	A4	35	Ka2	Nc6	55	Kd2	Kf			
16	A4	Kc7	36	Nd5	Nb3	56	Kb3	g5			
17	A4	Kc8	37	Rb3	Rc3	57	1c2	N5			
18	Nb2	Rb4	38	Nb3	b4	58	1g2	f5			
19	Nb3	Rb4	39	Ka4	Nb4	59	1c3	Kb3			
20	Nb3	d6	40	Kb4	Rc5	60	Kg2	f4			
SIGNATURE (WHITE) JMA				SIGNATURE (BLACK) TLLy				SIGNATURE (ARBITER) Z			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 10/17/2020

Group G8
Round 3
Board 12

WHITE Nguyen Xuan Thao Han				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Lin Bui (GD)				Std 1998				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bb2	Rc1	41	Ka3	Nc4			
2	d4	d5	22	Nb2	b5	42	Kb4	Nb6			
3	Nc3	Nf6	23	Rb1	Bb2	43	Nc5	a5			
4	e5	Nf5	24	Kxb2	Nc4	44	Kxa5	Rc3			
5	Bc3	c5	25	Kc3	Nc3	45	Kb4	Rc5			
6	c5	Nxc5	26	g3	Rc6	46	Krc5	Kd7			
7	Bd4	Nb6	27	Kc2	Rc2	47	Kb6	f6			
8	Rc3	d7	28	Kb1	Rc2	48	a9	e5			
9	Bd4	Qxd4	29	Bd3	Nd5	49	a5	Nc4			
10	Qxd4	Nxd4	30	f4	Nb4	50	Kb5	Nxa5			
11	0-0-0	Bxc5	31	Rc4	Bxc4	51	Kxa5	Kc6			
12	Na4	b6	32	Rxa4	Nd5	52	Kb4	Kd5			
13	b4	Bxb4	33	Kb2	Nc3	53	Kc3	exf4			
14	Rxd4	Ba3	34	Rc1	Na4	54	gxf4	Kf4			
15	Kb1	Rb2	35	Ka3	Nc5	55	Kd2	Kxh4			
16	f3	Kc7	36	Ng5	Mxd3	56	Kc2	g5			
17	Bb5	Rh8	37	Rc3	Rc3	57	Kf4	h5			
18	Nb2	Rxd4	38	Nb3	b4	58	Kg2	f5			
19	Nxd4	Rd8	39	Ka4	Nb2	59	Kh3	Kb3			
20	Nb3	a6	40	Kxb4	Rxc7	60	Kg2	f4			
SIGNATURE (WHITE) JMA				SIGNATURE (BLACK) TLLy				SIGNATURE (ARBITER) Z			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/7/26

Group: G08
Round: 3
Board: 13

WHITE: Pragnika Vokha				FED: IND				RESULT (W): 1			
BLACK: Legenka Stefanias				FED: RUS				RESULT (B): 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g5	21	Qc1	Nd5	41					
2	Nc3	e6	22	g3	Rac8	42					
3	f4	d5	23	Qd1	Qc6	43					
4	d3	d4	24	Ngh	Nb3	44					
5	Nc2	Bab	25	Nc5	Qd3	45					
6	e5	Bc7	26	Nat	Nxg4	46					
7	Nd3	Qd7	27	Bc3	Nxg3	47					
8	b3	Ne7	28	Ng2	Qxd7	48					
9	Ng3	O-O	29	Kg3	Qc7	49					
10	Bc2	Npc6	30	Bg4	Qxc2	50					
11	O-O	Bb6	31	Bxb3	Kh8	51					
12	N3	Qc7	32	Bxc3	Rxc3	52					
13	Bd2	f6	33	Qxc2	Rxc2	53					
14	exf6	Rxf6	34	Rac1	Rxc1	54					
15	Ne4	Rg8	35	Rxc1	Rg8	55					
16	Nh2	Na5	36	Rc8	34	56					
17	Be1	c4	37			57					
18	Oxc4	Nxc4	38			58					
19	Kh1	Nxh2	39			59					
20	Rxd2	Bd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/7/26

Group: G08
Round: 3
Board: 13

WHITE: Pragnika Vokha				FED: IND				RESULT (W): 1			
BLACK: Legenka Stefanias				FED: RUS				RESULT (B): 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc1	Nd5	41					
2	Nc3	e6	22	g3	Rac8	42					
3	f4	d5	23	Qd1	Qc6	43					
4	d3	d4	24	Ngh	Nb3	44					
5	Nc2	Bab	25	Nc5	Qd3	45					
6	e5	Bc7	26	Nat	Nxg4	46					
7	Nd3	Qd7	27	Bc3	Nxg3	47					
8	b3	Ne7	28	Ng2	Qxd7	48					
9	Ng3	O-O	29	Kg3	Qc7	49					
10	Bc2	Npc6	30	Bg4	Qxc2	50					
11	O-O	Bb6	31	Bxb3	Kh8	51					
12	N3	Qc7	32	Bxc3	Rxc3	52					
13	Bd2	f6	33	Qxc2	Rxc2	53					
14	exf6	Rxf6	34	Rac1	Rxc1	54					
15	Ne4	Rg8	35	Rxc1	Rg8	55					
16	Nh2	Na5	36	Rc8	34	56					
17	Be1	c4	37			57					
18	Oxc4	Nxc4	38			58					
19	Kh1	Nxh2	39			59					
20	Rxd2	Bd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **3**
Date **18.07.26**
Board **14**

WHITE Li Muxo				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Himandi Sehoran De Silva				FED SRI				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rfe1	Re7	41	NC3	Rb4			
2	C4	e6	22	f3	Rc8	42	Kd3	Rb6			
3	NC3	d5	23	Qd2	Nd5	43	Nd3	Rd6			
4	Bg5	Bb4	24	Ng3	Qc7	44	Rd4	Kf7			
5	e3	Bxc3+	25	Re4	Rxe4	45	Rxf6+	Rxf6			
6	bxc3	C6	26	fxe4	Nf4	46	Nxf6	Kxf6			
7	Nf3	h6	27	Rf1	Nd3	47	Kc5	kes			
8	Bxf6	Qxf6	28	e5	Qb6	48	kb6	reu			
9	Be2	Nd7	29	Ne4	Nxe5	49	Q4	Kc3			
10	Cxd5	exd5	30	Qf2	Re7	50	Kxb7	Rf2			
11	O-O	O-O	31	dxe3	Qxf2+	51	Q5	Kg2			
12	Bd3	Ae8	32	Rxf2	Res	52	a3	Kxh2			
13	Qc2	C5	33	Nd6	Re7	53	a7	g5			
14	Rac1	C4	34	Nxe4	Rc7	54	ab=D	h5			
15	Bf5	g6	35	Nd6	Re7	55	Qd3	g4			
16	Bh3	Kg7	36	Kf1	f6	56	Qxh5+	Kg3			
17	Nd2	Nb6	37	nc8	Rc7	57	Qes+	Rf3			
18	Bxc8	RoxC8	38	Nxe7	Rxc3	58	Qh2	g3			
19	e4	dxe4	39	Nb5	Rc1+	59	Qg1	g2			
20	Nxe4	Qc6	40	Ke2	Rb1	60	Kc6	KQ3			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **3**
Date **18.07.26**
Board **14**

WHITE Li Muxo				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Himandi				FED SRI				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rfe1	Re7	41	NC3	Rb4			
2	C4	e6	22	f3	Rc8	42	Kd3	Rb6			
3	NC3	d5	23	Qd2	Nd5	43	Nd3	Rd6			
4	Bg5	Bb4	24	Ng3	Qc7	44	Rd4	Kf7			
5	e3	Bxc3+	25	Re4	Rxe4	45	Rxf6+	Rxf6			
6	bxc3	C6	26	fxe4	Nf4	46	Nxf6	Kxf6			
7	Nf3	h6	27	Rf1	Nd3	47	Kc5	kes			
8	Bxf6	Qxf6	28	e5	Qb6	48	kb6	reu			
9	Be2	Nd7	29	Ne4	Nxe5	49	Q4	Kc3			
10	Cxd5	exd5	30	Qf2	Re7	50	Kxb7	Rf2			
11	O-O	O-O	31	dxe3	Qxf2+	51	Q5	Kg2			
12	Bd3	Ae8	32	Rxf2	Res	52	a3	Kxh2			
13	Qc2	C5	33	Nd6	Re7	53	a7	g5			
14	Rac1	C4	34	Nxe4	Rc7	54	ab=D	h5			
15	Bf5	g6	35	Nd6	Re7	55	Qd3	g4			
16	Bh3	Kg7	36	Kf1	f6	56	Qxh5+	Kg3			
17	Nd2	Nb6	37	nc8	Rc7	57	Qes+	Rf3			
18	Bxc8	RoxC8	38	Nxe7	Rxc3	58	Qh2	g3			
19	e4	dxe4	39	Nb5	Rc1+	59	Qg1	g2			
20	Nxe4	Qc6	40	Ke2	Rb1	60	Kc6	Kg3			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G2
Round	3
Board	15
Date	18.07.2026

WHITE: Sethumsa, E.M Thinduli				FED: TURMUK		18.04.2016 73		
BLACK: Isayeva, Lachyn				FED: CRI		RESULT (W) 1/2		
RESULT (B) 1/2								
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f4	c6	41	c8	kxc7
2	Kf3	Kc6	22	de5	f6	42	g4	g6
3	g3	cf5	23	cd5	cd	43	f5	g2
4	cg2	e6	24	ld5	ld5	44	g1	cf5
5	c4	Kf6	25	ld4	ld5	45	kd6	cf6
6	ad	ce7	26	ld5	ld5	46	kb7	kpc8
7	de4	ad	27	f5	cf7	47	cf	
8	ke8	ka5	28	ld7	cg2	48		
9	B3	ce4	29	ld7	de8	49		
10	f3	cf5	30	ld5	cd5	50		
11	ll4	cg6	31	kpc2	ce4	51		
12	lab	dc	32	kc4	cb5	52		
13	ce4	de4	33	kd6	cb5	53		
14	bc	kd7	34	kcs	as	54		
15	kd7	ed7	35	ka4	ca6	55		
16	cs	kc6	36	kpc3	kpc4	56		
17	d5	ed	37	kpc4	kcs	57		
18	qds	qds	38	kpc6	kpc7	58		
19	ed	kb4	39	kas	cb5	59		
20	kd4	kds	40	kd4	cd5	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
T. Thinduli				Lachyn Isayeva		SR		

1/2

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G2
Round	3
Board	15
Date	2026.07.18

WHITE Sethumsa E.M Thiruli				FED Sri		RESULT (W) 1/2		
BLACK Isayeva Lachyn				FED TKM		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f4	c6	41	c6 +	kc7
2	Nf3	Nc6	22	Re5	f6	42	g4	Nb7
3	g3	Bf5	23	Bxd5 +	Cxd5	43	gxfs	gxfs
4	Bg2	e6	24	Rxd5	Rad9	44	Bxf5	Nd6
5	c4	Nf6	25	Rad1	Rxd5	45	Bg6	Nb5 +
6	O-O	Be1	26	Rxd5	Re8	46	kc8	c7
7	Re1	O-O	27	f5	Bf7	47	Kd7	Kc4
8	Ne5	Na5	28	Rd7	Bxa2	48		
9	b3	Be4	29	Rxb7	Rc8	49		
10	f3	Bf5	30	Rb5	Bd5	50		
11	e4	Bg6	31	Kf2	Be4	51		
12	Ba3	dxc4	32	Nc4	Bd3	52		
13	Bxe7	Qxe7	33	Nd6	Bxb5	53		
14	bxc4	Nd7	34	Nxc8	a5	54		
15	Nxd7	Qxd7	35	Na7	Ba6	55		
16	C5	Nc6	36	ke3	ks7	56		
17	d5	exd5	37	Kd4	ke7	57		
18	Qxd5	Qxd5	38	Nc6 +	Kd7	58		
19	exd5	Nb4	39	Nxa5	Bb5	59		
20	Na3	Nxd5	40	Kd5	Bd3	60		
SIGNATURE (WHITE) R. Thiruli			SIGNATURE (BLACK) Isayeva Lachyn			SIGNATURE (ARBITER) SR		

18.07

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18 Board 21 16

Group G8
Round 3
Board 16

WHITE <u>Wu Wanting</u>				FED		RESULT (W) <u>0</u>		
BLACK <u>Nurymurhamet, Sara</u>				FED		RESULT (B) <u>1</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e5.	21	Qd6.	Bf2.	41		
2	Nf3.	Nf6.	22	Kh1.	Qf3#.	42		
3	Bb5.	Bc5.	23			43		
4	Nc5.	Qf3.	24			44		
5	Nf3.	Nc7.	25			45		
6	Qd2.	Qd2.	26			46		
7	c3.	Bb6.	27			47		
8	d4.	dx.	28			48		
9	Bb5.	Qb6.	29			49		
10	d5.	fb.	30			50		
11	dx.	fx.	31			51		
12	cb.	Bb7.	32			52		
13	Bc4.	Kh8.	33			53		
14	e5.	g4.	34			54		
15	Nh4.	Qg5.	35			55		
16	ed.	cd.	36			56		
17	g3.	Nf5.	37			57		
18	Bd5.	Rb8.	38			58		
19	Bxb7.	Rxb7.	39			59		
20	Nxf5.	Qxf5.	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <u>Wu Wanting</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>SARA</u>		SIGNATURE (ARBITER) <u>Tu</u>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18 Board 21 16

Group G8
Round 3
Board 16

WHITE Wu Wanting				PED		RESULT (W) 0		
BLACK SARA				PED		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qd6	Cf2	41		
2	Nf3	Nc6	22	Nph1	Qf3	42		
3	CB5	CC5	23			43		
4	Re5	QF6	24			44		
5	Rf3	Rgc4	25			45		
6	O-O	O-O	26			46		
7	C3	Cb6	27			47		
8	d4	d6	28			48		
9	Cg5	Qg6	29			49		
10	d5	F6	30			50		
11	d6	Fg7	31			51		
12	Cb	Cb7	32			52		
13	CC4	RPh3	33			53		
14	B5	g4	34			54		
15	Rh4	Qg5	35			55		
16	ed	1Cd	36			56		
17	g3	Rf5	37			57		
18	Cd5	Nb8	38			58		
19	Cb4	Nb7	39			59		
20	Rf5	Qg4f5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
王婉廷				SARA		Tu		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G-8

Round
3

Date
10.06.2026

Board
17

WHITE APYZALIEVA ADELIA								FED KAZ		RESULT (W)	
BLACK ZHA YUNXI								FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	e5	21	c3	ac5	41	apc5	h4			
2	kf3	kc6	22	cb6	kp7e	42	ab5	h3			
3	d4	e4	23	re4	ae4	43	acs	ca1			
4	ce4	cc5	24	fe	ae5	44	kpf5	kp8			
5	kg5	kh6	25	apc2	ae4	45	ab5	apc6			
6	kf7	kp7e	26	ae1	af4	46	ab8	kec2			
7	cf7	kh7	27	mf1	af1	47	ab9	apc6			
8	ph5	gb	28	af1	ce5	48	bs	cb			
9	pc5	ds	29	epj2	apc5	49	ab3	epc5			
10	qos+	qds	30	kpes	apc5	50	ab8	cae			
11	e1	kb4	31	ad1	h6	51	kpq4	rpq4			
12	ch3	ae8	32	h4	bs	52	rpq3	kpq3			
13	rh4	bs	33	h4	ae8	53	rpq3	kpq4			
14	ks	cf7	34	ab	ab	54	h4	kpes			
15	rh4	cs	35	ad8	h5	55	h5	cd3			
16	bb3	bs	36	ab8	cf7	56	kpq4	kpq5			
17	cg5	kp6	37	apf7	kpq6	57	ab6	rpq7			
18	f3	ad8	38	rpq4	cc6	58	kpq5	ce4			
19	rpq1	cy	39	ab6	rh7	59	h6	rpq7			
20	rh2	ae8	40	kpq5	cc2	60	ab6	cb			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
APYZALIEVA ADELIA				Zha Yunxi				SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G-8

Round
3

Date
10.06.2026

Board
17

WHITE APYZALIEVA ADELIA								FED KAZ		RESULT (W)	
BLACK Zha Yunxi								FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	e5	21	c3	ac5	41	kg6	h4			
2	nf3	nc6	22	bf6	kf6	42	qg5	h3			
3	d4	de	23	ne4	re4	43	rc5				
4	bc4	bc5	24	fe	re5	44	bf5	kf5			
5	ng5	nh6	25	re4	ra4	45	kd6	ab5			
6	nf7	nf7	26	rf4	rf4	46	kc6	rp8			
7	bf7	kf7	27	rf4	rf4	47	kc7	rb4			
8	qf5	g6	28	rf4	bf5	48	kc6	b3			
9	gc5	d5	29	kd2	ke6	49	cb	rb3			
10	qd5	pd5	30	ke3	ke5	50	kc5	rb5			
11	ea	nb4	31	ra1	h6	51	ba6	kg4			
12	nh3	re8+	32	rd4	b5	52	kc4	kh3			
13	kd1	nd5	33	a4	ab	53	kc3	kg3			
14	nb5	bd7	34	ab	ab	54	ka4	h4			
15	nh4	cs	35	bc	h5	55	ke5	h5			
16	nb3	pb6	36	rb8	rb7	56	bd3	kg4			
17	pb5	nf6	37	rd7	ke6	57	cf6	rb6			
18	f3	h6	38	ke6	pc6	58	kg7	kg5			
19	kc1	c4	39	kb6	kb7	59	be4	h6			
20	na2	rc8	40	ke5	bj2	60		kb7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
APYZALIEVA ADELIA				Zha Yunxi				SR			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/07

Group G8

Round 3

Board 18

WHITE Xu Lezhi				BLACK Vera Xu				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Vera Xu				FED NZL				RESULT (B) 1							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4		21	Nd1		41									
2		Nf3 e6	22		Kd2 Bb8	42									
3	d4		23	Kd2		43									
4		Nd4 Nf6	24		Kd2 Nf6	44									
5	Nc3		25	Nf3		45									
6		f3 Bb6	26			46									
7	Bc3		27			47									
8		Qd2 e5	28			48									
9	Nf5		29			49									
10		Nd5	30			50									
11	Kf2		31			51									
12		Bb3 de	32			52									
13	Bg7		33			53									
14		Qd3 Bc5	34			54									
15	B5		35			55									
16		Kd3 Qc5	36			56									
17	Kd2		37			57									
18		Kd2 Kg7	38			58									
19	h6		39			59									
20	Rh4 Nc2		40			60									
SIGNATURE (WHITE) Xu Lezhi				SIGNATURE (BLACK) Vera Xu Jintian				SIGNATURE (ARBITER) 912							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G8

Round 3

Board 18

WHITE Xu Lezhi				BLACK Vera Xu Jintian				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Vera Xu Jintian				FED				RESULT (B) 1							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	C5	21	Rd8+	Ke2	41									
2	Nf3	e6	22	Bd3+	Kd2	42									
3	d4	e4	23	e4	Bxf4+	43									
4	Nxd4	Nf6	24		Ne3	44									
5	Nc3	Bb4	25		Rd1#	45									
6	f3	Nc6	26			46									
7	Bc3	Qd5	27			47									
8	Qd2	Nf5	28			48									
9	Nf5	h4	29			49									
10	h4	d5	30			50									
11	Kf2	Bf5	31			51									
12	Bh3	de	32			52									
13	Bg7	e3+	33			53									
14	Qxe3	h5 Bc5	34			54									
15	h5	Kd3	35			55									
16	Kd3	Qc5	36			56									
17	Kd2	Kd2	37			57									
18	Kg7	h6	38			58									
19	Kg6	Rd1	39			59									
20	Nc2	Nd1	40			60									
SIGNATURE (WHITE) Xu Lezhi				SIGNATURE (BLACK) Vera Xu Jintian				SIGNATURE (ARBITER) 912							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/8 Board 19

WHITE Alisha Haider				FED BAN				RESULT (W) 0			
BLACK yang, Peilin				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g4	Qf3	41					
2	Nc3	eb	22	Re3	Qe3	42					
3	Bc4	Qb6	23	fe	ab	43					
4	Nt3	Bg7	24	ob	Ne5	44					
5	d3	Ne7	25			45					
6	0-0	0-0	26			46					
7	Bf4	Nc6	27			47					
8	Nb5	d5	28			48					
9	ed	ed	29			49					
10	Bb3	Bf5	30			50					
11	Nc7	Rc8	31			51					
12	Nb4	Qd7	32			52					
13	Qc4	dc	33			53					
14	dc	Bb2	34			54					
15	Bbb	Rtd8	35			55					
16	Qb1	Bb1	36			56					
17	Rab1	Bfb	37			57					
18	Rtd1	Qeb	38			58					
19	Re1	Qf5	39			59					
20	h3	ab	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Alisha				SIGNATURE (BLACK) yang, Peilin				SIGNATURE (ARBITER) Fu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/8 Board 19

WHITE				FED				RESULT (W) 0			
BLACK				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h4	a6	41					
2	Nc3	e6	22	Re3	Qxf3	42					
3	Bc4	g6	23	te3	Qxe3	43					
4	Nf3	Bg7	24	b5	xd5	44					
5	d3	c5	25		Ne5	45					
6	0-0	0-0	26			46					
7	Bf4	Nc6	27			47					
8	Nb5	d5	28			48					
9	xd5	xd5	29			49					
10	Bb3	Bf5	30			50					
11	Nc7	Rc8	31			51					
12	Nb5	Qd7	32			52					
13	c4	xc4	33			53					
14	Qc4	xc4	34			54					
15	Qc4	Bxb2	35			55					
16	Bb6	Bd8	36			56					
17	Qb1	Bxb1	37			57					
18	Rd1	Bf6	38			58					
19	Re1	Qe6	39			59					
20	h3	Qf5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Alisha				SIGNATURE (BLACK) yang, Peilin				SIGNATURE (ARBITER) Fu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18 Board 20

Group 68
Round 3

WHITE 姚静雅				BLACK Muhd Amirul Izzat Aisya Az-Zahra				FED		RESULT (W)	
BLACK				WHITE				FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	e5	Ne4	41					
2	Nf3	e6	22	Bxe4	d6	42					
3	c3	Nc6	23	Nd4	Bb7	43					
4	d4	cd	24	Qc4	Qb6	44					
5	cd	a6	25	Nb3	Qd8	45					
6	Nc3	Qc7	26	Nc5	Bd5	46					
7	Be3	b5	27	Qxa6	Qe7	47					
8	a3	b4	28	Qe2	f6	48					
9	a6	Bxb4	29	Na4	Rd8	49					
10	Bd3	Nf6	30	Bb6	Rd7	50					
11	h3	h6	31	Nc5	Rb7	51					
12	Qd	Qd	32	Nxb7	Qxb7	52					
13	Rc1	Bb7	33	Bd4	te	53					
14	d5	Bxc3	34	Bxc5	Qb6	54					
15	dxc	Bxc6	35	Rc8	Kh7	55					
16	Rxc3	Qd8	36	Qg4	Qa7	56					
17	Qb1	Bb7	37	Rc7	Qa7	57					
18	Rf1	Rc8	38	Kh2	Qh7	58					
19	Rxc8	Bxc8	39	Kxh1	Ba8	59					
20	Qa2	d5	40	Qxg7		60					
SIGNATURE (WHITE) 姚静雅				SIGNATURE (BLACK) Jingya				SIGNATURE (ARBITER) fir			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/7/26 Board 20

Group 68
Round 3

WHITE Yao Jingya				BLACK Muhd Amirul Izzat Aisya Az-Zahra				FED		RESULT (W)	
BLACK				WHITE				FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	e5 Nc4		41					
2	Nf3	e6	22	Bxe4	dxe4	42					
3	c3	Nc6	23	Nd4	Bb7	43					
4	d4	cxdl	24	Qd4 Qb6		44					
5	cxdl	a6	25	Nb3	Qd8	45					
6	Nc3	Qc7	26	Nc6	Bd5	46					
7	Be3	b5	27	Qxa6	Qe7	47					
8	a3	b4	28	Qe2	f6	48					
9	axb4	Bxb4	29	Na4	Rd8	49					
10	Bd3	Nf6	30	Bb6	Rd7	50					
11	h3	h6	31	Nc5	Rb7	51					
12	Qd	Qd	32	Nxb7	Qxb7	52					
13	Rc1	Bb7	33	Bd4	fxe5	53					
14	d5	Bxc3	34	Bxc3 Qb6		54					
15	dxc6	Bxc6	35	Rc8	Kh7	55					
16	Rxc3	Qd8	36	Qa7	Rc7	56					
17	Qb1	Bb7	37	Qa7	Kh2	57					
18	Rf1	Rc8	38	Qh7	Kxh1	58					
19	Rxc8	Bxc8	39	Ba8	Bg7	59					
20	Qa2	d5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) 姚静雅				SIGNATURE (BLACK) Jingya				SIGNATURE (ARBITER) fir			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.2026 Board 21

WHITE				BLACK				RESULT (1)			
Chernogradova, Serafima				Zhang, Zhixian				1			
WHITE				BLACK				RESULT (2)			
Zhang, Zhixian								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Pg3+	Kph+	41					
2	c4	e6	22	Cd3+	Cd4	42					
3	Kc3	Kf6	23	Cc4#		43					
4	Cg5	Kd7	24			44					
5	e4	d6	25			45					
6	Kc4	b6	26			46					
7	Pa4	Cc7	27			47					
8	Cf4	Cb7	28			48					
9	Kf6+	Cf6	29			49					
10	C5	b6	30			50					
11	Kf3	O-O	31			51					
12	Qb3	Ab8	32			52					
13	Qb3	Kb6	33			53					
14	A4	Cd	34			54					
15	Kg5	g6	35			55					
16	Kh3	Kph7	36			56					
17	h3	Kpg7	37			57					
18	hg	Ah8	38			58					
19	Ah7+	Ah7	39			59					
20	Qh	Ph8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
45				Zhang zhixian				Zi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 21

WHITE				BLACK				RESULT (1)			
Chernogradova, Serafima				Zhang, Zhixian				1			
WHITE				BLACK				RESULT (2)			
Zhang, Zhixian								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kf7	g6	41					
2	c4	e6	22	Be4	Be7	42					
3	Kc3	Nf6	23			43					
4	Bg5	Nd7	24			44					
5	e4	de	25			45					
6	Ne4	b6	26			46					
7	Qd4	Be7	27			47					
8	Bf4	Bb7	28			48					
9	Nf6	Bf6	29			49					
10	Q5	bc	30			50					
11	Nf3	O-O	31			51					
12	Qb3	Rb6	32			52					
13	Qb3	Nb6	33			53					
14	A4	cd	34			54					
15	Ng5	g6	35			55					
16	Nh7	h7	36			56					
17	h6	Kg1	37			57					
18	hg	Kh8	38			58					
19	Ah7	gh	39			59					
20	Qh6	Kg8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
45				Zhang zhixian				Zi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 3
Date
Board 22

WHITE Satiya				FED				RESULT (W)			
BLACK				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	C4	Q23	41	K148	R4			
2	KC3	Kf6	22	C3	fb4	42	cd4	h9			
3	g3	e6	23	Ap8	Q4	43	K9e7	b5			
4	Q2	Cf7	24	Lf8	Kd4	44	KP6	Cb5			
5	e4	d6	25	pl5	Kt2	45	cb2	cd			
6	Kd2	Kf6	26	LC2	d4	46	cc1	K923			
7	O-O	g	27	Qe2	LC3	47	K9e5	h4			
8	Kd3	O-O	28	LC2	KC3	48	K84	K9h4			
9	Cc3	Qc7	29	cc8	Kb2	49	K93	K7b4			
10	Qd2	e5	30	h6	Qc6	50	Kb2	Q4			
11	Kd5	Kd5	31	Qd7	Qd7	51	K9b3	cd2			
12	Kd4	cd4	32	cd7	Le7	52	K9c4	K993			
13	ed	Qf1	33	Cb5	Kc3	53	K94	K9P3			
14	Qd8	h3	34	cd	Kb5	54	K9d3	Cf5			
15	Cf6	h	35	Qf	LC6	55	C95	e5			
16	b6	Q1C2	36	Lb6	Lb6	56	K9d9	ed			
17	Cb7	Lf7	37	Q1g4	Cf2	57	K9b5	d7			
18	LC8	be	38	Cf7	Q5	58	K9d6	d8-Q			
19	bC	K9h	39	K982	CC5	59	K9c5	Q25			
20	Qd7	Q2	40	K9f3	K98	60	K9c4	CEC			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G08
Round 03
Date 08/26
Board 22

WHITE Satiya				FED UZB				RESULT (W)			
BLACK Akshara Shanojan				FED SRI				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Q95	C4	41	Qd5	g6			
2	Nc3	Mf6	22	Qd3	C3	42	Lg2	Ba6			
3	g3	C6	23	Qb4	Rb8	43	Lf3	Lf3			
4	Bg2	Be7	24	Qd4	Rf8	44	Lf4	Bd6			
5	e4	d6	25	Nxd4	Qe5	45	h4	Le7			
6	Nf3	Nc6	26	Nd7	Rc7	46	h6	Lf8			
7	O-O	Qe6	27	d4	Qe7	47	Bb6	Bb2			
8	d3	Q-O	28	Rxc3	Rc3	48	Qd7	Bc1			
9	Be3	Qc7	29	Nxc3	Rc2	49	Lg3	Lf6			
10	Qd2	e5	30	Nc2	h6	50	Lh5	Ld4			
11	Nd5	Nxd5	31	Qd7		51	Kh4	g6			
12	Cxd5	Nd4	32	Qc6	Qd7	52	Ld3	Lc3			
13	Bxd4	Cxd4	33	Qd7	Qd7	53	Qd7				
14	Rac1	Qd3	34	Rc7	Bb5	54	Lh4	Lb2			
15	h3	Bf6	35	Lc3	Bvd4	55	Qc6	Kb3			
16	b4	b6	36	Qd7	Rf5	56	Ld7	Ld4			
17	Rc2	Bb7	37	Nxb5	Qxb5	57	Kd4	Kf3			
18	Rfcd	Rc8	38	Rc	h6	58	Ld3	Ld2			
19	bxc5	bxc5	39	Rxb6	Bx6	59	Ld3	Ld2			
20	Kf2	Qe7	40	Qd4	Bxf2	60	Ld3	Ld2			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group **GB**

Round **3**

Board **23**

WHITE Lin, Yong-Qian				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Nishitha Gajula				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxb1	e5	41	Qxd6	Qf1			
2	Nf3	g6	22	Bg5	f6	42	Kh2	Re2			
3	Bc4	Bg7	23	Be3	Be6	43					
4	O-O	Nf6	24	Nd2	f5	44					
5	Nc3	O-O	25	Bg5	Rf8	45					
6	d3	d6	26	Rc1	h6	46					
7	h3	Nc6	27	Be3	f4	47					
8	Re1	a6	28	Bx4	ext4	48					
9	Be3	e6	29	Ne2	Rae3	49					
10	a3	b5:26	30	f3	bx a3	50					
11	Bb3	Qc7	31	Qa2	Bd4	51					
12	a4	b4	32	Kf1	Be3	52					
13	Ne2	Na5	33	Rd1	Qd8	53					
14	Bc4	Nxc4	34	Qxa3	Bx h3	54					
15	dxc4	Nxe4	35	Qxb3	Q h4	55					
16	Rc1	Bxb2	36	Kg2	Qf2	56					
17	Rb1	Bg7	37	Kh1	Bxd2	57					
18	Bf4	Rd8	38	Bxd2	Rxe2	58					
19	Ng3	Nc3	39	Rxe2	Qxe2	59					
20	Qc1	Nxb1	40	Gxa6	Re8	60					
SIGNATURE (WHITE) Lin, Yong-Qian				SIGNATURE (BLACK) Nishitha Gajula				SIGNATURE (ARBITER) T...			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group **GB**

Round **3**

Board **23**

WHITE Lin, yong-Qian				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Nishitha				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	QxL1	e5	41	f08	And +			
2	Nf3	Nf3	22	Lf5	f6	42	g1	g1			
3	g6	bc4	23	hd3	he6	43	R02#				
4	g6	O-O	24	Nd2	f5	44					
5	Nf6	Nc3	25	g7	af8	45					
6	O-O	d3	26	R01	g6	46					
7	de	h3	27	h4	g9	47					
8	Ne6	R02	28	gfh	coff	48					
9	at0ab	we3	29	g6	R00	49					
10	eb	h5	30	g6	bx a3 S	50					
11	Bb3	Qc7	31	g6	h4	51					
12	a4	h4	32	R00	g6	52					
13	Ne2	NA5	33	g1	g6	53					
14	g6	Nxc4	34	g6	h4	54					
15	g6	Nxe4	35	g6	g6	55					
16	Rc1	Bx12	36	g6	g6	56					
17	Rc1	g6	37	g6	g6	57					
18	g6	Rd8	38	g6	g6	58					
19	Ng3	Nc3	39	g6	g6	59					
20	Qc1	Qxh1	40	g6	g6	60					
SIGNATURE (WHITE) Lin, Yong-Qian				SIGNATURE (BLACK) Nishitha				SIGNATURE (ARBITER) T...			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.8.04 Board 24

Group 68
Round 3
Result (W) 0
Result (B) 1

WHITE				BLACK							
OUWA				Huang Yulia							
FED TJK				FED CHN							
RESULT (W)				RESULT (B)							
0				1							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	ke2	Qxg2	41					
2	Bc4	Nc6	22	d4	Qf3	42					
3	Qf3	Ne5	23	ke2	Qxf2	43					
4	Qc3	d6	24	Rkx3	kc3	44					
5	BBb5	Bd7	25	Qxd4	Kb3	45					
6	a4	Bxb5	26	Qb4	ka2	46					
7	axb5	g6	27	Qc4	bb3	47					
8	Nf3	Bb7	28	Qxc2	ka3	48					
9	o-o	Nxf3	29	Qxc1	Nd2	49					
10	Qxf3	Nf6	30	ka2	Rh2	50					
11	e5	dxe5	31	Nd2	Rxd2	51					
12	Qxb7	Qo-o	32			52					
13	Qf3	Qc7	33			53					
14	Qh3	Rb8	34			54					
15	Qh4	Rxb5	35			55					
16	Re1	Rb4	36			56					
17	Rkx3	Rxh4	37			57					
18	Ra3	e4	38			58					
19	Rxa7	Qxh2	39			59					
20	kf1	Qh1	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
OUWA				OUWA				Li			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18 Board 24

Group 68
Round 3
Result (W) 0
Result (B) 1

WHITE				BLACK				
Liu Songmei				Alesha Motawire Azzabza				
FED				FED				
RESULT (W)				RESULT (B)				
0				1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	d4	Bd6	41		
2	Nf3	Nb6	22	b4	h6	42		
3	Nc3	Nc6	23	g4	Qh4	43		
4	Bc4	Nxe4	24	Nf3	Qxh4	44		
5	o-o	Qd5	25	Nes	Bxc5	45		
6	Nxd5	Bc4	26	de	Qxg4	46		
7	d3	Bxd5	27	Kh1	Qxc4	47		
8	Bxd5	Nb6	28	Qd8+	Res	48		
9	Bc4	Bd6	29	Qd2	Rxe5	49		
10	Re1	o-o	30	Cd3	Qe4	50		
11	b3	Qd7	31	Kd1	Rg5	51		
12	Bb2	Rf6	32	Kf1	Qh4	52		
13	a4	Qb4	33	Ke2	Res	53		
14	h3	Qh5	34	Kd3	Qe4#	54		
15	Q5	Ra-d8	35			55		
16	Qd2	Bc5	36			56		
17	Nb5	Re7	37			57		
18	Bxc5	Nxe5	38			58		
19	Rxe5	Rdd7	39			59		
20	Rxe7	Rxe7	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Liu Songmei				Alesha Motawire Azzabza				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				SK				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G08**
Round **3**
Date **18 Jul** Board **25**

WHITE				BLACK					
Ning Yan Ning				Cong Zixuan					
FED SGP				FED CHN					
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	Qb7	a2	41	a2	Qe1	
2	Nf3	Nc6	22	Qa6	Qc7	42	Kf2	Qf2	
3	Bc4	Qc5	23	Qc4	Qb7	43	Bd3	Qg2	
4	O-O	d6	24	a3	b5	44			
5	b3	Nf6	25	Qe2	c4	45			
6	d3	b6	26	Bc2	Qb6	46			
7	Nc3	O-O	27	1c4	Rd8	47			
8	Re3	Qb6	28	Bd1	d5	48			
9	d4	exd4	29	Bc2	d4	49			
10	Nxd4	Nxd4	30	exd4	Qxd4	50			
11	Bxd4	Qe6	31	Bb1	Qc5	51			
12	Bb3	Re8	32	Bc2	Qb5	52			
13	Qd3	Qa5	33	Bb1	b4	53			
14	Qd3	Qa5	34	Bc2	b3	54			
15	Bxf6	Qxf6	35	Bb1	Qd8	55			
16	Nd5	Bxd5	36	Qc7	Qc7	56			
17	Qxd6	Qxe1	37	Qc7	Qg5	57			
18	Re1	b6	38	Qc3	Qg5	58			
19	c5	Rad8	39	Re2	Qf1	59			
20	f3	Qe5	40	Re1	Re1	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
				CONG. ZIXUAN				SR	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G08**
Round **3**
Date **18 Jul** Board **25**

WHITE				BLACK					
Ning Yan Ning				Cong Zixuan					
FED SGP				FED CHN					
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	Qb7	Qc7	41	Qe1	Qe1	
2	Nf3	Nc6	22	Qa6	Qc7	42	Kf2	Qf2	
3	Bc4	Bc5	23	Qc4	Qb7	43	Bd3	Qg2	
4	O-O	d6	24	Q3	b5	44			
5	b3	Nf6	25	Qe2	C4	45			
6	d3	h6	26	Bc2	Q.b6	46			
7	Nc3	O-O	27	Rh1	Rd8 Rd8	47			
8	Be3	Bb6	28	Bd1	d5	48			
9	d4	exd4	29	Bc2	d4	49			
10	Nd4	Nd4	30	Cxd4	Qxd4	50			
11	Bd4	Be6	31	Bb1	Qc5	51			
12	Bb3	Re3	32	Bc2	Q5	52			
13	Re1	BQ5	33	Bb1	b4	53			
14	Qd3	C5	34	Bc2	b3	54			
15	Bf6	Qf6	35	Bb1	Rd8	55			
16	Nd5	Bb5	36	Kf2	Qc7	56			
17	Qd5	Be1	37	Kg1	Rg5	57			
18	Re1	b6	38	Qe3	Qg3	58			
19	C3	RQd8	39	Re2	Rd1	59			
20	f3	Re5	40	Re1	Re1	60			
SIGNATURE (WHITE) Ning Yan				SIGNATURE (BLACK) Cong Zixuan				SIGNATURE (ARBITER) SR	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18 Board 26 340

WHITE G.U.O. Hezi				BLACK Tod-Erdene Naranhaatar			
# WHITE				# WHITE			
BLACK				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Nd2	Bc6	41	Bg7
2	c4	e6	22	Nb3	Qb6	42	gf
3	Nc3	f5	23	Nc5	bc	43	Kg2
4	Nf3	Nf6	24	a5	Rd8	44	Kf3
5	g3	c6	25	a6	Qb6	45	Bg8
6	Bg2	Be7	26	Qb1	Bb5	46	Ke4
7	0-0	0-0	27	a7	Qc6	47	Kd3
8	c5	b6	28	Qb2	Nd7	48	Rc3
9	c6	a6	29	Rf6	Ba6	49	Rc6
10	a3	Ba6	30	Qa3	Ra7	50	Bc6
11	b4	Bc6	31	Qa4	Qa4	51	Lg
12	Bf4	c5	32	Ra4	c4	52	hg
13	Bb8	Qb8	33	Rb1	Nc5	53	Ke3
14	Ne5	Rd6	34	Rb5	Rc7	54	Kf3
15	b5	Ra7	35	Ra6	Na5	55	Rc6
16	Nc6	Qa7	36	Ra6	c3	56	Kg3
17	Nc7	Qc7	37	Ra1	e5	57	Kf5
18	dc	Bc5	38	Bd5	Kf8	58	e4
19	a4	Qa5	39	Re1	Ke7	59	Kf4
20	Nb1	Bb5	40	Bg8	h6	60	e5
SIGNATURE (WHITE) G.U.O. Hezi				SIGNATURE (BLACK) Tod-Erdene			
SIGNATURE (ARBITER) SR							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 26

WHITE G.U.O.				BLACK Tod-Erdene			
# WHITE				# WHITE			
BLACK				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Nd2	Bc6	41	Bh7
2	c4	e6	22	Nb3	Qb6	42	gf
3	Nc3	f5	23	Nc5	bc	43	Kg2
4	Nf3	Nf6	24	a5	Rd8	44	Kf3
5	g3	c6	25	a6	Qb6	45	Bg8
6	Bg2	Be7	26	Qb1	Bb5	46	Ke4
7	0-0	0-0	27	a7	Qc6	47	Kd3
8	c5	b6	28	Qb2	Nd7	48	Rc3
9	c6	a6	29	Rf6	Ba6	49	Rc6
10	a3	Ba6	30	Qa3	Ra7	50	Bc6
11	b4	Bc6	31	Qa4	Qa4	51	Lg
12	Bf4	c5	32	Ra4	c4	52	hg
13	Bb8	Qb8	33	Rb1	Nc5	53	Ke3
14	Ne5	Rd6	34	Rb5	Rc7	54	Kf3
15	b5	Ra7	35	Ra6	Na5	55	Rc6
16	Nc6	Qa7	36	Ra6	c3	56	Kg3
17	Nc7	Qc7	37	Ra1	e5	57	Kf5
18	dc	Bc5	38	Bd5	Kf8	58	e4
19	a4	Qa5	39	Re1	Ke7	59	Kf4
20	Nb1	Bb5	40	Bg8	h6	60	e5
SIGNATURE (WHITE) G.U.O. Hezi				SIGNATURE (BLACK) Tod-Erdene			
SIGNATURE (ARBITER) SR							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.04.2026 Board 27

Group 68 Round 3

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	ke2	Qxg2	41									
2	Bc4	Nc6	22	d4	Qf3	42									
3	Qf3	Ne5	23	ke2	Qxf2	43									
4	Qc3	d6	24	KKc3	Kc3	44									
5	Bb5	Bd7	25	Qxd4	Kb3	45									
6	a4	Bxb5	26	Qb4	ka2	46									
7	axb5	g6	27	Qc4	bb3	47									
8	Nf3	Bb7	28	Qxc2	ka3	48									
9	Q-O	Nxf3	29	Qxc1	Nb2	49									
10	Qxf3	Nf6	30	ka2	Rh2	50									
11	e5	dxe5	31	Nd2	Rxd2	51									
12	Qxb7	Qo-o	32			52									
13	Qf3	Qc7	33			53									
14	Qh3	Rb8	34			54									
15	Qh4	Rxb5	35			55									
16	Re1	Rb4	36			56									
17	Rf3	Rxf4	37			57									
18	Ra3	e4	38			58									
19	Rxa7	Qxh2	39			59									
20	Kf1	Qh1	40			60									

SIGNATURE (WHITE) *OULWA*

SIGNATURE (BLACK) *OULWA*

SIGNATURE (ARBITER) *Li*

董子嘉

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.04.2026 Board 27

Group 68 Round 3

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	KE2	Qxg2	41									
2	Cc4	Kc6	22	d4	Qf3	42									
3	QF3	KE5	23	KKc3	Kc3	43									
4	Qc3	d6	24	Kc3	Qd4	44									
5	Cb5	Bd7	25	Kc3	Qd4	45									
6	a4	Bxb5	26	Kc3	Qd4	46									
7	axb5	g6	27	Q3	Qc2	47									
8	KE3	Cg4	28	Kc3	Qc2	48									
9	O-O	KE3	29	Kc3	Qc2	49									
10	QF3	KE6	30	Kc3	Qc2	50									
11	e5	d2	31			51									
12	Qb7	O-O	32			52									
13	Qf3	Qc7	33			53									
14	Qh3	Rb8	34			54									
15	Qh4	Rxb5	35			55									
16	Re1	Rb4	36			56									
17	Rf3	Rxf4	37			57									
18	Ra3	e4	38			58									
19	Rxa7	Qxh2	39			59									
20	Kf1	Qh1	40			60									

SIGNATURE (WHITE) *OULWA*

SIGNATURE (BLACK) *董子嘉*

SIGNATURE (ARBITER) *Li*

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18 Jul Board 28

WHITE				BLACK				
Lee Xin En 20e				Vathal Htet ko				
FED SGP				FED MYA				
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kc1	Gf5	41	Nf5	g4
2	c4	e6	22	Qa6	d4	42	Qs	e3
3	Nc3	nc6	23	Qd3	b1	43	Kd3	g8
4	g5	h6	24	Kh1	vd3	44	Nd4	e2
5	Bh4	Bd4	25	Bd4	g8	45	Nd2	g8
6	Qf6	Qe6	26	Rb1	g8	46	Ke3	e2
7	Nf3	Ng6	27	Ng2	Nd2	47	Ke2	g5
8	e3	O-O	28	Kc2	Ng4	48	ag	Rab
9	Bd3	Bd7	29	Qd4	Nd7	49	at	f6
10	O-O	Ng6	30	Ke2	nc2	50	hx	g4
11	Qd2	Ng7	31	Rd2	Kb4	51	gh4	h5
12	ex	d4	32	Rd3	Ke2	52	Rd3	
13	Bc4	Nf6	33	Rd3	Nd4	53		
14	e5	Qf5	34	Nd4	ed4	54		
15	ed6	Cd6	35	Rd3	g2	55		
16	Qd4	g6	36	Ke3	g2	56		
17	Qb1	Rf8	37	Kd2	g2	57		
18	Qd1	Nd4	38	Qd1	g2	58		
19	Qd2	Qf6	39	Nd5	g2	59		
20	g3	Nb3	40	Nd4	g2	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
[Signature]				[Signature]				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				[Signature]				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18 Jul Board 28

WHITE				BLACK				
Lee, xin En 20e				Vathal Htet ko				
FED				FED				
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kg2	gxf5	41	e4	g5
2	c4	e6	22	Qa6	d4	42	e3	Kd3
3	Nd5	Nf6	23	Qd3	g94	43	Rd8	Nxd4
4	Bg5	h6	24	Ng1	Nf4	44	e2	d8
5	Bh4	Bb4	25	Nf3	Bxd1	45	Ke3	Rd8
6	Bxf6	Qd8	26	Rc8	Rd1	46	Kf2	g5
7	Nf3	Nc6	27	Rc4	Nf3	47	Rd8	a7
8	e3	O-O	28	Nf2	Kg2	48	f5	h4
9	Bd3	Bd7	29	Nxg4	a4	49	g5	g3
10	O-O	Bd6	30	Nd3	nc2	50	Kg6	Rb5
11	Qe2	Ne6	31	Ra2	RNb4	51		
12	e4	d5	32	Rd3	nc2	52		
13	Bxc4	Ng6	33	Rb3	Nxd4	53		
14	e5	Qf5	34	Nxd4	Rxd4	54		
15	exd6	C7xd6	35	Ra3	Rd2	55		
16	Qe4	Qf6	36	e5	Kxd2	56		
17	Qxb2	pd8	37	Bf5	Rd1	57		
18	Qxa7	Nf4	38	d4	Nd5	58		
19	Be2	Qg6	39	Rd8	Ne7	59		
20	g3	Nh3	40	Kh7	Nf5	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Lee				Vathal				
				SIGNATURE (ARBITER)				